

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công hoàn thành dự án
Đại đội cơ động, Tiểu đoàn huấn luyện, cơ động Bộ Chỉ huy
Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán số 586/BC-STC ngày 26/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Tên dự án: Đại đội cơ động, Tiểu đoàn huấn luyện, cơ động Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn.
2. Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn.
3. Địa điểm xây dựng: xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
4. Thời gian khởi công: quý III/2012; thời gian hoàn thành: quý I/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		24.374.108.480	23.308.732.000
1	Chi phí xây dựng	21.368.087.377	20.962.270.000
2	Chi phí thiết bị	602.282.000	599.606.000
3	Quản lý dự án	490.300.478	376.796.000
4	Tư vấn	1.798.722.017	1.252.565.000
5	Chi phí khác	114.716.608	117.495.252
6	Chi phí dự phòng	0	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số		24.374.108.480	23.308.732.000	22.700.000.000	608.732.000	0
1	Vốn đầu tư công (Ngân sách tỉnh)	24.374.108.480	23.308.732.000	22.700.000.000	608.732.000	0
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số		23.308.732.000			
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	23.308.732.000			
2	Tài sản ngắn hạn	0			

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Số TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số		23.308.732.000	
1	Nguồn vốn đầu tư công (Ngân sách tỉnh)	23.308.732.000	
2	Vốn khác	0	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng phải thu: 0 đồng;
- Tổng nợ phải trả: 608.732.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 đính kèm)

1.3. Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho UBND huyện Hữu Lũng theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

2.1. Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn	23.308.732.000	0

2.2 Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVD).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC SỐ 01

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 1972 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số		23.308.732.000	22.700.000.000	608.732.000	0	
1	Công ty cổ phần Xây dựng đầu tư 868 (Ánh Hường)	Thi công xây dựng	20.962.270.000	20.662.030.000	300.240.000	-	
2	Công ty CP ĐTXD và TM Tân An Đại Thịnh	Thiết bị	599.606.000	599.606.000	0		
3	Chi huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn	Chi phí quản lý dự án	376.796.000	339.048.000	37.748.000		
		Thẩm định HSMT, KQLCNT	1.551.000	0	1.551.000		
4	Công ty CP đầu tư và thiết kế xây dựng Hùng Vương	Khảo sát địa chất, tư vấn lập dự án	300.000.000	300.000.000	0		
		Thiết kế bản vẽ thi công+dự toán	465.202.000	356.000.000	109.202.000		
5	Công ty CP TV ĐT và XD Mỹ Hưng	Thẩm tra thiết kế BVTC+dự toán	60.606.000	35.581.000	25.025.000		
		Tư vấn đấu thầu gói số 01	16.090.000	16.090.000	0		
6	Công ty CP TV và ĐTXD Vĩnh Long	Tư vấn đấu thầu gói số 02	18.060.000	18.060.000	0		
7	Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển Thành Nam	Tư vấn giám sát	370.450.000	330.424.000	40.026.000		
8	Trung tâm KĐCLCT Lạng Sơn (nay là Trung tâm Giám định CL và QHXD Lạng Sơn)	Kiểm tra công tác nghiệm thu	12.335.000	0	12.335.000		
9	Công TNHH MTV Vi Tú	Chi phí di chuyển đường dây 0,4KV	9.822.000	0	9.822.000		
10	Công ty Bảo Việt Lạng Sơn.	Chi phí bảo hiểm công trình	36.075.252	36.075.252	0		
11	Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	67.927.000	0	67.927.000		
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định dự án	4.856.000	0	4.856.000		
13	Sở Xây dựng	Thẩm định điều chỉnh dự án	7.086.000	7.086.000	0		